



Số: /2026/ ND-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

Về hoạt động viễn thám

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định về hoạt động viễn thám.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về quản lý hoạt động viễn thám gồm: hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám; cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia; lưu trữ, cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám; ứng dụng viễn thám, quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám và giấy phép hoạt động viễn thám.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài; tổ chức quốc tế tham gia hoạt động viễn thám trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Viễn thám là hoạt động thu nhận, phân tích thông tin về các đối tượng hoặc hiện tượng trên Trái Đất và khí quyển hoặc dưới bề mặt Trái Đất mà không tiếp xúc trực tiếp với chúng, thông qua việc đo tín hiệu bức xạ điện từ bằng cảm biến viễn thám.

2. Cảm biến viễn thám là thiết bị hoặc tổ hợp thiết bị được lắp đặt trên vệ tinh, tàu bay, thiết bị bay không người lái, phương tiện bay khác hoặc trạm mặt đất để thu nhận và chuyển đổi bức xạ điện từ phản xạ, phát xạ hoặc tán xạ từ các đối tượng, hiện tượng trên Trái Đất, khí quyển hoặc đại dương thành tín hiệu hoặc dữ liệu viễn thám.

3. Viễn thám vệ tinh là hoạt động thu nhận dữ liệu bằng các cảm biến viễn thám được lắp đặt trên vệ tinh nhân tạo hoạt động ở độ cao trên 100 km so với mực nước biển.

4. Viễn thám trên không là hoạt động thu nhận dữ liệu bằng các cảm biến viễn thám được lắp đặt trên phương tiện bay hoạt động từ bề mặt Trái Đất tới độ cao 100 km so với mực nước biển.

5. Viễn thám mặt đất là hoạt động thu nhận dữ liệu bằng các cảm biến viễn thám được lắp đặt cố định hoặc di động trên bề mặt Trái Đất.

6. Vệ tinh viễn thám là vệ tinh nhân tạo được trang bị cảm biến viễn thám nhằm thu thập thông tin về Trái Đất và khí quyển.

7. Hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám bao gồm vệ tinh viễn thám; tàu bay, tàu bay không người lái và các phương tiện bay khác; thiết bị viễn thám mặt đất; công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám.

8. Công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám bao gồm: trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh; trạm điều khiển, thu nhận dữ liệu viễn thám trên không; trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất.

9. Trạm điều khiển vệ tinh viễn thám là công trình đặt trên mặt đất với các hệ thống thiết bị chuyên dụng thực hiện việc điều khiển hoạt động của vệ tinh viễn thám.

10. Trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh là công trình đặt trên mặt đất với hệ thống thiết bị chuyên dụng thực hiện việc thu nhận, xử lý, lưu trữ dữ liệu từ vệ tinh viễn thám.

11. Trạm điều khiển, thu nhận dữ liệu viễn thám trên không là công trình đặt trên mặt đất với hệ thống thiết bị chuyên dụng thực hiện việc điều khiển phương tiện bay; thu nhận, xử lý, lưu trữ dữ liệu viễn thám từ phương tiện bay.

12. Trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất là công trình đặt trên mặt đất với hệ thống thiết bị chuyên dụng thực hiện việc phát và thu nhận tín hiệu điện từ, xử lý và lưu trữ dữ liệu viễn thám mặt đất.

13. Tín hiệu viễn thám là trị đo bức xạ điện từ do bề mặt Trái Đất và khí quyển phản xạ, phát xạ hoặc tán xạ thu được từ cảm biến viễn thám.

14. Thu quét dữ liệu viễn thám là hoạt động thu nhận tín hiệu viễn thám.

15. Dữ liệu viễn thám là tín hiệu viễn thám được xử lý loại bỏ sai số của cảm biến viễn thám và được kiểm tra, đánh giá chất lượng, bao gồm: dữ liệu viễn thám vệ tinh, dữ liệu viễn thám trên không, dữ liệu viễn thám mặt đất. Dữ liệu viễn thám là dữ liệu viễn thám gốc.

16. Dữ liệu, sản phẩm viễn thám mở là dữ liệu, sản phẩm viễn thám có nguồn thu nhận từ cơ sở dữ liệu viễn thám mở của quốc tế, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân hoặc dữ liệu viễn thám thu nhận từ các trạm thu nhận dữ liệu viễn thám ở Việt Nam có độ phân giải lớn hơn 10 m hoặc dữ liệu viễn thám được thu nhận từ 10 năm trở lên.

17. Dữ liệu viễn thám độ phân giải siêu cao là dữ liệu có độ phân giải mặt đất nhỏ hơn 1 m.

18. Dữ liệu viễn thám độ phân giải cao là dữ liệu có độ phân giải mặt đất từ 1 m đến 10 m.

19. Dữ liệu viễn thám độ phân giải trung bình là dữ liệu có độ phân giải mặt đất lớn hơn 10 m đến 100 m.

20. Dữ liệu viễn thám độ phân giải thấp là dữ liệu có độ phân giải mặt đất lớn hơn 100 m.

21. Xử lý dữ liệu viễn thám là hoạt động hiệu chỉnh, phân tích, chiết xuất và chuyển đổi dữ liệu viễn thám nhằm tạo ra thông tin, dữ liệu chuyên đề, bản đồ, mô hình và các sản phẩm viễn thám khác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

22. Sản phẩm viễn thám là kết quả xử lý dữ liệu viễn thám dưới dạng dữ liệu chuyên đề, thông tin quan trắc, giám sát, chỉ số, mô hình, báo cáo hoặc các dạng khác, phục vụ công tác quản lý, dự báo và ra quyết định.

23. Dữ liệu viễn thám chủ là dữ liệu viễn thám quang học được nắn chỉnh về hệ quy chiếu và hệ tọa độ Quốc gia VN-2000, loại bỏ sai số trong quá trình thu quét dữ liệu và ảnh hưởng của chênh cao địa hình.

24. Thông tin viễn thám là dữ liệu phản ánh đặc điểm, trạng thái, biến động của đối tượng, hiện tượng trên Trái Đất và khí quyển thu được qua phân tích, xử lý dữ liệu, sản phẩm viễn thám.

25. Siêu dữ liệu viễn thám là tập hợp các thông tin mô tả về nội dung, cấu trúc, nguồn gốc, thời gian, phương pháp thu nhận, xử lý, chất lượng và các đặc tính khác của dữ liệu viễn thám, sản phẩm viễn thám nhằm hỗ trợ việc quản lý, truy cập và sử dụng dữ liệu.

26. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia là tập hợp thông tin, dữ liệu, sản phẩm và siêu dữ liệu viễn thám được xây dựng, cập nhật và duy trì đáp ứng yêu cầu truy nhập và sử dụng thông tin của các ngành kinh tế và phục vụ lợi ích công cộng.

Điều 4. Nguyên tắc trong hoạt động viễn thám

1. Hoạt động viễn thám phải bảo đảm khai thác hiệu quả tiềm năng công nghệ viễn thám phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; không làm phương hại đến lợi ích quốc gia, chủ quyền lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đáp ứng yêu cầu về an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám và dữ liệu viễn thám được đầu tư xây dựng, thu nhận bằng ngân sách nhà nước là tài sản công, phải được kế thừa, sử dụng chung, được quản lý và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

3. Vệ tinh viễn thám, công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám và dữ liệu viễn thám xây dựng, thu nhận bằng nguồn kinh phí do doanh nghiệp, cá nhân

là tài sản doanh nghiệp, cá nhân được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

4. Hạ tầng lưu trữ, xử lý, tính toán thông tin, dữ liệu viễn thám phải hướng tới tiêu chuẩn xanh, làm nền tảng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chiết xuất thông tin về Trái Đất và khí quyển.

5. Dữ liệu viễn thám phải được thu nhận thường xuyên, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

6. Dữ liệu viễn thám là một trong những nguồn dữ liệu chính thức phục vụ giám sát, đánh giá, kiểm tra, hậu kiểm trong quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, phòng, chống thiên tai và các lĩnh vực có liên quan.

7. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phải được duy trì, vận hành và cập nhật thường xuyên, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, đảm bảo đúng thẩm quyền, phân loại mức độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động viễn thám

1. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cho việc xây dựng, quản lý, vận hành, phát triển hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám; tập trung đầu tư phát triển hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh và viễn thám trên không nhằm tăng cường năng lực tự chủ công nghệ, hình thành hạ tầng dữ liệu viễn thám quốc gia phục vụ điều hành, giám sát và ra quyết định ở cấp quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia được xây dựng bằng nguồn ngân sách nhà nước. Nhà nước xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia trở thành một trong các hạ tầng dữ liệu số quan trọng, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phục vụ chuyển đổi số và phát triển bền vững.

3. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động viễn thám gắn liền với lộ trình kinh tế xanh, bền vững; đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động viễn thám; Nhà nước có chính sách đặt hàng dịch vụ viễn thám từ các doanh nghiệp đối với lĩnh vực dân sự; hình thành, phát triển thị trường dữ liệu và dịch vụ viễn thám; khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động viễn thám và được hưởng các chính sách ưu đãi về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế về viễn thám, tuân thủ các điều ước quốc tế về lĩnh vực viễn thám mà Việt Nam là thành viên.

5. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực làm công tác viễn thám; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức về viễn thám; khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

6. Công nghệ viễn thám được Nhà nước thực hiện chính sách đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, theo chương trình mục tiêu dài hạn; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước dành cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để chi cho nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và thương mại hóa; đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh.

7. Nhà nước bảo hộ quyền lợi hợp pháp, khuyến khích hình thành và phát triển doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực viễn thám, chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về viễn thám theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp được tham gia các dự án, nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng. Trong đó tập trung vào các đơn vị có năng lực tự chủ công nghệ về hạ tầng, thuật toán xử lý dữ liệu và bảo mật thông tin; các nhiệm vụ này ưu tiên phục vụ lĩnh vực an ninh, quốc phòng và các hoạt động kinh tế - xã hội.

8. Nhà nước bố trí kinh phí dự phòng hằng năm mua dữ liệu viễn thám vệ tinh và có cơ chế sử dụng kinh phí dự phòng phục vụ ứng phó với tình huống khẩn cấp về thiên tai.

Điều 6. Những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động viễn thám

1. Phá hoại, xâm phạm hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám; gây nhiễu, cản trở hoạt động của hệ thống viễn thám.

2. Vi phạm hành lang bảo vệ công trình hạ tầng viễn thám; cản trở quản lý, khai thác; phá hoại thiết bị, gây nhiễu kỹ thuật hoặc truy cập trái phép, chiếm quyền điều khiển hoặc can thiệp làm sai lệch dữ liệu, thông tin trong cơ sở dữ liệu viễn thám.

3. Làm giả, sai lệch dữ liệu viễn thám gốc hoặc kết quả kiểm tra, nghiệm thu chất lượng sản phẩm viễn thám.

4. Cung cấp, chia sẻ, khai thác, sử dụng, chiếm đoạt, mua, bán thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám xâm phạm tới lợi ích quốc gia, dân tộc, quốc phòng, an ninh, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Đưa thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám về khu vực, công trình quốc phòng, an ninh, khu quân sự và khu vực cấm lên nền tảng, dịch vụ, ứng dụng trên mạng internet trái quy định.

6. Cung cấp, chia sẻ, trao đổi thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám với các tổ chức, cá nhân nước ngoài trái với quy định tại khoản 3 Điều 39, khoản 3 và Điều 41, Điều 42 Nghị định này.

7. Thực hiện hoạt động thuộc danh mục hoạt động viễn thám phải có giấy phép khi chưa được cấp giấy phép hoặc không đúng nội dung giấy phép đã được cấp.

8. Che giấu, không cung cấp hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám không chính xác, không đầy đủ, không kịp thời phục vụ tình huống khẩn cấp.

9. Lợi dụng hoạt động hợp tác quốc tế về viễn thám để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 7. Hoạt động khoa học và công nghệ về viễn thám

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ viễn thám phải bảo đảm:

- a) Phù hợp với chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số;
- b) Kết hợp nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội.
- c) Khi sử dụng dữ liệu viễn thám thuộc danh mục bí mật nhà nước chỉ được công bố kết quả sau khi xin ý kiến của Bộ Công an.

2. Nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ viễn thám bao gồm:

- a) Thiết kế, chế tạo, tích hợp và vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám, thiết bị viễn thám;
- b) Phát triển công nghệ xử lý, phân tích, khai thác dữ liệu viễn thám, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số liên quan;
- c) Xây dựng, quản lý và phát triển cơ sở dữ liệu viễn thám, hạ tầng kỹ thuật và nền tảng chia sẻ dữ liệu;
- d) Nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ viễn thám phục vụ các ngành, lĩnh vực;
- đ) Tiếp nhận, làm chủ, nội địa hóa và chuyển giao công nghệ viễn thám tiên tiến.

3. Cho phép áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ viễn thám mới.

4. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ viễn thám; ưu tiên tiếp nhận, làm chủ và nội địa hóa công nghệ tiên tiến.

5. Khuyến khích liên kết giữa cơ sở đào tạo, tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp; thu hút chuyên gia trong và ngoài nước tham gia hoạt động viễn thám; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao.

Điều 8. Hợp tác quốc tế về hoạt động viễn thám

1. Việc hợp tác quốc tế về hoạt động viễn thám phải đảm bảo:

a) Tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và bảo đảm lợi ích quốc gia;

b) Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Tăng cường hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế về viễn thám.

2. Nội dung hợp tác quốc tế về viễn thám bao gồm:

a) Trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong quản lý nhà nước, chính sách, pháp luật về viễn thám;

b) Nghiên cứu, phát triển hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám; vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám, cơ sở dữ liệu viễn thám;

c) Trao đổi dữ liệu, sản phẩm viễn thám vệ tinh thu nhận được từ vệ tinh viễn thám của Việt Nam;

d) Tham gia hoạt động hợp tác quốc tế trong quản lý, khai thác, sử dụng không gian vũ trụ vào hoạt động viễn thám vì mục đích hòa bình;

đ) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ viễn thám;

e) Trao đổi chuyên gia; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng cán bộ tại nước ngoài và tại các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực viễn thám;

g) Ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về viễn thám; thúc đẩy nâng cao năng lực chuyển giao công nghệ viễn thám phù hợp;

h) Tổ chức, thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế khác về viễn thám.

Chương II

HỆ THỐNG THU NHẬN DỮ LIỆU VIỄN THÁM

Điều 9. Phát triển vệ tinh viễn thám

1. Việc xây dựng và phát triển vệ tinh viễn thám phải được thực hiện theo chiến lược, chương trình, kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Việc nghiên cứu, chế tạo vệ tinh viễn thám thực hiện theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát công nghệ, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

3. Cơ quan, tổ chức quản lý, vận hành vệ tinh viễn thám phải xây dựng kế hoạch kết thúc hoạt động của vệ tinh viễn thám.

4. Việc quản lý tần số và quỹ đạo vệ tinh thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

Điều 10. Xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám

1. Cơ quan, tổ chức triển khai xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám đảm bảo tuân thủ pháp luật có liên quan về đầu tư, xây dựng hiện hành, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Khi lập kế hoạch xây dựng trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh độ phân giải cao và siêu cao chủ đầu tư phải xin ý kiến bằng văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

3. Sau khi nhận được văn bản của chủ đầu tư, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 của Điều này phải trả lời bằng văn bản trong 15 ngày làm việc.

4. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án, nhiệm vụ xây dựng, vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám.

5. Khi xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám, chủ đầu tư phải xác định hành lang an toàn kỹ thuật theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

6. Cơ quan, tổ chức xây dựng, vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp; đồng thời thực hiện việc bảo vệ, quản lý và công bố dữ liệu do mình thu nhận theo quy định của pháp luật.

7. Việc xây dựng, phát triển trạm điều khiển, thu nhận dữ liệu viễn thám trên không phải thực hiện theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát công nghệ, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

Điều 11. Quản lý, vận hành, bảo trì trạm điều khiển vệ tinh viễn thám

1. Cơ quan, tổ chức vận hành trạm điều khiển vệ tinh viễn thám phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

2. Cơ quan, tổ chức vận hành, bảo trì trạm điều khiển vệ tinh viễn thám phải thực hiện đúng quy trình vận hành, bảo trì.

3. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho việc vận hành, bảo trì trạm điều khiển vệ tinh viễn thám do Nhà nước đầu tư, xây dựng.

4. Cơ quan, tổ chức vận hành trạm điều khiển vệ tinh viễn thám (trừ các trạm điều khiển vệ tinh viễn thám do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý) phải báo cáo định kỳ hằng quý theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này trước ngày 15 của tháng đầu tiên của quý kế tiếp về Bộ Nông nghiệp và Môi trường; việc báo cáo đột xuất được thực hiện khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Cơ quan, tổ chức vận hành trạm điều khiển vệ tinh viễn thám phải xây dựng và thực hiện chế độ ưu tiên thu quét dữ liệu phục vụ công tác quốc phòng, an ninh; phòng chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

6. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho việc vận hành, bảo trì trạm điều khiển vệ tinh viễn thám do Nhà nước đầu tư, xây dựng.

7. Trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây:

a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức vận hành trạm điều khiển vệ tinh viễn thám thu quét và cung cấp dữ liệu phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tình huống khẩn cấp;

b) Hạn chế hoặc tạm dừng thu quét dữ liệu viễn thám đối với khu vực, thời điểm, độ phân giải hoặc đối tượng cụ thể.

Điều 12. Quản lý, vận hành, bảo trì trạm thu nhận dữ liệu viễn thám

1. Cơ quan, tổ chức vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

2. Cơ quan, tổ chức vận hành, bảo trì trạm thu nhận dữ liệu viễn thám phải thực hiện đúng quy trình vận hành, bảo trì.

3. Cơ quan, tổ chức vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh, trạm điều khiển, thu nhận dữ liệu viễn thám trên không và trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất (trừ các trạm do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý) phải báo cáo định kỳ hằng quý theo các Mẫu số 03, 04 và 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trước ngày 15 của tháng đầu tiên của quý kế tiếp về Bộ Nông nghiệp và Môi trường; việc báo cáo đột xuất được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho việc mua tín hiệu viễn thám vệ tinh của nước ngoài; vận hành, bảo trì trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh, trạm điều khiển, thu nhận dữ liệu viễn thám trên không và trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất do Nhà nước đầu tư, xây dựng.

5. Dữ liệu thu nhận được từ trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh (dữ liệu viễn thám gốc) được xây dựng bằng ngân sách nhà nước (trừ dữ liệu phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh được quản lý theo quy định riêng của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an) phải được sản xuất, tích hợp vào Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phục vụ khai thác thống nhất dùng chung.

6. Dữ liệu thu nhận được từ trạm điều khiển, thu nhận dữ liệu viễn thám trên không, trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất được xây dựng bằng ngân sách nhà nước phải được tích hợp vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ khai thác thống nhất dùng chung.

7. Cơ quan vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh phải xây dựng và thực hiện chế độ ưu tiên thu nhận và cung cấp dữ liệu phục vụ tình huống khẩn cấp.

Điều 13. Hành lang an toàn kỹ thuật công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám

1. Hành lang an toàn kỹ thuật công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phải được xác định khi lập kế hoạch xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám và trong quá trình giao đất, cho thuê đất.

2. Việc xác định và công bố công khai chỉ giới hành lang an toàn kỹ thuật công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, chỉ giới hành lang an toàn kỹ thuật công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám được xác định trên bản đồ địa chính theo quy định hiện hành.

3. Xác lập hành lang an toàn kỹ thuật công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám:

a) Hành lang an toàn kỹ thuật của trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám vệ tinh độ phân giải cao và siêu cao được xác lập với bán kính tối thiểu là 150 mét tính từ mép ăng ten;

b) Hành lang an toàn kỹ thuật đối với trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám vệ tinh độ phân giải trung bình và độ phân giải thấp được xác lập với bán kính tối thiểu từ 20 mét tính từ mép ăng ten;

c) Xác lập hành lang an toàn kỹ thuật trạm điều khiển, thu nhận dữ liệu viễn thám trên không, trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất được thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

4. Bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám:

a) Trong phạm vi hành lang an toàn kỹ thuật công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám không được xây dựng công trình cao tầng, trồng cây lâu năm cao

hơn điểm thấp nhất của ăng ten khi hoạt động, gây che chắn ăng ten; không được thực hiện các hoạt động làm ảnh hưởng đến sự ổn định của công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

b) Đối với trạm điều khiển và trạm thu nhận dữ liệu viễn thám (trừ trạm thu nhận dữ liệu từ vệ tinh viễn thám địa tĩnh), ngoài phạm vi hành lang an toàn kỹ thuật được thiết lập theo khoản 3 Điều này được trồng cây hoặc xây dựng công trình nhưng độ cao phải bảo đảm góc giữa đường nối tâm ăng ten tới điểm cao nhất của cây hoặc công trình và bề mặt ngang qua tâm ăng ten không vượt quá 5° (năm độ);

c) Chủ đầu tư căn cứ quy định tại Điều này và các quy định của pháp luật có liên quan xác định chỉ giới hành lang an toàn kỹ thuật công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

Điều 14. Trách nhiệm bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phải thực hiện đúng quy định về bảo vệ cho từng loại công trình.

3. Người dân khi phát hiện công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám bị phá hoại hoặc hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám bị xâm phạm cần chủ động thông báo với chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Điều 15. Di dời, phá dỡ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám

1. Việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám được thực hiện do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Việc phá dỡ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, thiên tai làm hư hỏng hoặc do tác động ngoại cảnh khác mà công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám không thể tiếp tục duy trì hoạt động bình thường theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật;

b) Hết hạn sử dụng, không còn giá trị sử dụng hoặc đã có công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám khác thay thế.

3. Việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám độ phân giải cao và siêu cao (trừ các công trình quy định tại khoản 6 Điều này) thực hiện theo quy định sau đây:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám về yêu cầu phải di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám xem xét, thỏa thuận kinh phí, lựa chọn địa điểm mới để di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám gửi văn bản xin ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ về địa điểm di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám; vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh, tần số và các vấn đề khác có liên quan (nếu có). Trong thời hạn 15 ngày làm việc, các bộ có văn bản trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám tổ chức lập dự án di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám gửi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan xem xét, cho ý kiến trước khi phê duyệt dự án;

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám.

4. Việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám độ phân trung bình và thấp (trừ các công trình quy định tại khoản 6 Điều này) thực hiện theo quy định sau đây:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám về yêu cầu phải di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám xem xét, thỏa thuận kinh phí, lựa chọn địa điểm mới, để di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám.

5. Việc phá dỡ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám độ phân giải cao và siêu cao gửi văn bản xin ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, các bộ có văn bản trả lời về việc phá dỡ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám tổ chức thực hiện việc phá dỡ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám.

6. Việc di dời, phá dỡ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện theo pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

Điều 16. Thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh

1. Dữ liệu viễn thám vệ tinh được thu nhận từ các nguồn:

a) Trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh của Việt Nam;

b) Mua, trao đổi, nhận viện trợ của nước ngoài.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch thu nhận dữ liệu viễn thám trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, định kỳ 05 năm trên cơ sở tổng hợp nhu cầu của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và nhiệm vụ đột xuất được Nhà nước giao.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám vệ tinh và gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này trước ngày 15 tháng 11 hằng năm, định kỳ 05 năm để tổng hợp.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức triển khai việc thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh từ các trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh thuộc phạm vi quản lý theo kế hoạch đã được phê duyệt.

5. Việc mua dữ liệu viễn thám của nước ngoài (nếu có) bằng nguồn ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong các trường hợp sau:

a) Trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh ở Việt Nam và Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia không đáp ứng được yêu cầu về số lượng, thời gian và thuộc tính kỹ thuật bao gồm độ phân giải không gian, phân giải phổ, phân giải bức xạ, phân cực;

b) Chưa có trong kế hoạch thu nhận dữ liệu viễn thám đã được phê duyệt;

c) Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc mua dữ liệu viễn thám của nước ngoài trong 5 ngày làm việc.

Điều 17. Yêu cầu đối với thu nhận dữ liệu viễn thám trên không và mặt đất

1. Hoạt động thu nhận dữ liệu viễn thám trên không và mặt đất phải bảo đảm tối thiểu hóa, chỉ trong phạm vi cần thiết; bảo đảm quốc phòng, an ninh; tôn trọng quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động viễn thám trên không và mặt đất chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp và việc bảo vệ dữ liệu do mình thu thập và quản lý.

3. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu viễn thám trên không và mặt đất không được gây phương hại đến lợi ích công cộng, an ninh quốc gia và chủ quyền dữ liệu.

4. Dữ liệu viễn thám trên không và mặt đất sử dụng ngân sách nhà nước phải được tích hợp vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ khai thác thống nhất dùng chung.

5. Việc quản lý hoạt động bay của phương tiện bay phục vụ thu nhận dữ liệu viễn thám trên không được thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng và phòng không nhân dân.

Chương III CƠ SỞ DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA

Điều 18. Yêu cầu đối với xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia được xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương; bảo đảm là hệ thống lưu trữ dữ liệu tập trung, đồng thời là nền tảng phục vụ phân tích, giám sát, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định.

2. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phải tuân thủ khung kiến trúc do cơ quan có thẩm quyền ban hành; phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin; đồng thời bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu, an ninh mạng và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Hạ tầng kỹ thuật Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia, bao gồm: hệ thống máy chủ, máy trạm, các trang thiết bị bảo đảm kết nối mạng, thiết bị bảo đảm an ninh mạng, thiết bị mã hóa dữ liệu, thiết bị lưu trữ, hệ thống đường truyền và các thiết bị liên quan khác.

4. Dữ liệu viễn thám vệ tinh thu nhận từ các trạm thu nhận dữ liệu viễn thám xây dựng bằng ngân sách nhà nước phải được tích hợp đầy đủ và kịp thời vào cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

5. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đóng góp dữ liệu viễn thám phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vào Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia hoặc chuyên ngành. Cơ quan vận hành cơ sở dữ liệu có trách nhiệm tích hợp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu.

6. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phải bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 được kết nối với cơ sở dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

7. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phải có chức năng cung cấp dữ liệu thông qua giao diện lập trình ứng dụng (API) để thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng dữ liệu viễn thám mở.

Điều 19. Thành phần của Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia bao gồm:

- a) Dữ liệu viễn thám vệ tinh;
- b) Dữ liệu viễn thám trên không;
- c) Dữ liệu viễn thám mặt đất;
- d) Thông tin, sản phẩm viễn thám đã được kiểm tra, nghiệm thu;
- đ) Siêu dữ liệu viễn thám.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

Điều 20. Xây dựng Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Xây dựng Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia bao gồm các hoạt động:

a) Thiết kế kiến trúc dữ liệu phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu, Từ điển dữ liệu dùng chung của quốc gia và ngành nông nghiệp và môi trường;

b) Thiết lập hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia để lưu trữ, quản lý việc cập nhật, duy trì, khai thác dữ liệu bao gồm: hạ tầng kỹ thuật, nền tảng, phần mềm, ứng dụng thông qua việc đầu tư mới, hoặc thuê dịch vụ hoặc sử dụng hệ thống thông tin sẵn có, bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo, lãng phí;

c) Thu thập, chuẩn hóa, tạo lập dữ liệu để hình thành Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia;

d) Các hoạt động khác theo quy định pháp luật.

2. Dữ liệu phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia được thu thập, chuẩn hóa, tạo lập từ các nguồn sau:

- a) Thu nhận tại trạm thu nhận dữ liệu viễn thám;

b) Mua từ nguồn ngân sách nhà nước; trao đổi, nhận viện trợ của nước ngoài; đóng góp của các tổ chức, cá nhân;

c) Dữ liệu viễn thám chủ được cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia sản xuất để tích hợp;

d) Các hoạt động điều tra cơ bản, quan trắc giám sát bằng công nghệ viễn thám;

đ) Giao nộp của các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

e) Khai thác, chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

g) Các nguồn khác theo quy định pháp luật có liên quan.

3. Yêu cầu về thu thập, tạo lập và chuẩn hóa dữ liệu phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia:

a) Việc tạo lập dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phải sử dụng thống nhất các bảng mã danh mục dùng chung do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành;

b) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám chỉ được tạo lập và nhập vào Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia sau khi được kiểm tra, đánh giá;

c) Tuân thủ quy định về thu thập, tạo lập và chuẩn hóa dữ liệu theo quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Điều 21. Bảo đảm an ninh mạng và bảo mật dữ liệu

1. Thực hiện các giải pháp kiểm soát truy cập, kiểm định, kiểm tra, đánh giá an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật về an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Thực hiện các giải pháp sao lưu, dự phòng dữ liệu định kỳ, giải pháp phục hồi, bảo đảm an toàn, toàn vẹn dữ liệu và bảo đảm duy trì hoạt động liên tục khi xảy ra sự cố mất an toàn.

Điều 22. Kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia được kết nối với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin liên quan phục vụ chia sẻ thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm hiệu quả, an toàn, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện quản lý, kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia theo quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Điều 23. Vận hành Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Quản lý, duy trì hoạt động của hạ tầng kỹ thuật, phần mềm và hệ thống lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.
2. Tiếp nhận, kiểm tra, cập nhật, đồng bộ và chuẩn hóa dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.
3. Kết nối, chia sẻ, cung cấp và khai thác dữ liệu theo quy định.
4. Quản lý tài khoản, phân quyền truy cập và kiểm soát khai thác, sử dụng dữ liệu.
5. Bảo đảm an ninh mạng, sao lưu và phục hồi dữ liệu viễn thám.
6. Giám sát hoạt động của hệ thống, xử lý sự cố kỹ thuật và bảo trì hệ thống.
7. Thống kê, theo dõi, đánh giá hiệu quả khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu.

Điều 24. Cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Cập nhật Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia bao gồm các hoạt động:
 - a) Bổ sung dữ liệu;
 - b) Điều chỉnh dữ liệu.
2. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia được cập nhật từ các nguồn được quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này.
3. Dữ liệu trước khi đưa vào cập nhật phải được kiểm tra đánh giá bảo đảm phù hợp với quy định, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu.
4. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phải được cập nhật thường xuyên, trong đó, dữ liệu viễn thám vệ tinh có độ phân giải cao được cập nhật hằng năm phủ trùm lãnh thổ Việt Nam, dữ liệu viễn thám vệ tinh có độ phân giải siêu cao được cập nhật hằng năm phủ trùm các phường trên cả nước.
5. Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia có trách nhiệm xây dựng quy trình cập nhật Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia, tổ chức và giám sát việc thực hiện cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

Điều 25. Khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Mục đích khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia
 - a) Cung cấp thông tin, dữ liệu cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, người dân, doanh nghiệp để phát triển kinh tế số, xã hội số nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công về viễn thám;
 - b) Hỗ trợ quản lý, chỉ đạo, điều hành của cấp có thẩm quyền thông qua việc cung cấp dữ liệu viễn thám phục vụ đa ngành;
 - c) Phục vụ quản lý nông nghiệp và môi trường, phát triển kinh tế - xã hội;

d) Phục vụ giám sát, hỗ trợ cảnh báo sớm, phát hiện vi phạm pháp luật và xử lý vi phạm trong các lĩnh vực liên quan;

đ) Phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

e) Bảo đảm quốc phòng, an ninh;

g) Các mục đích khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Cách thức khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

a) Tra cứu thông tin, dữ liệu, sản phẩm trên Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia thông qua tài khoản được cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân;

b) Thông qua Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo quy định về khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

c) Khai thác, sử dụng qua việc gửi văn bản đến cơ quan có thẩm quyền;

d) Khai thác, sử dụng gián tiếp qua kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin và các phương tiện khác được cơ quan có thẩm quyền cung cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Công bố siêu dữ liệu viễn thám

1. Công bố siêu dữ liệu viễn thám định kỳ hằng năm

Trước ngày 25 tháng 12 hằng năm, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia của năm trước trên cổng dữ liệu, Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Thời gian chốt số liệu công bố siêu dữ liệu viễn thám tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Nội dung công bố theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

2. Công bố siêu dữ liệu viễn thám thường xuyên

a) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày các cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nộp dữ liệu và siêu dữ liệu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm công bố thường xuyên siêu dữ liệu viễn thám quốc gia trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Nội dung công bố theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

b) Trước ngày 20 hằng tháng, cơ quan vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám (trừ trạm thu nhận dữ liệu viễn thám do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý) phải công bố siêu dữ liệu viễn thám thu nhận được của tháng trước đó trên Cổng thông tin điện tử của mình. Thời gian chốt số liệu công bố siêu dữ liệu viễn thám tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo. Nội dung công bố theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

3. Hoãn công bố siêu dữ liệu viễn thám

a) Trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, sự cố hệ thống mạng toàn cầu, tấn công mạng trên diện rộng, sự cố hạ tầng điện) theo quy định của pháp luật thì việc công bố siêu dữ liệu viễn thám được tạm hoãn;

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo việc tạm hoãn công bố siêu dữ liệu viễn thám trên Cổng thông tin điện tử của mình, trong đó phải nêu rõ lý do của việc tạm hoãn;

c) Ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố siêu dữ liệu viễn thám theo quy định.

Điều 27. Quản lý Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Quản lý Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia bao gồm các hoạt động sau:

- a) Quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu;
- b) Quản lý kiến trúc dữ liệu và duy trì cơ sở hạ tầng dữ liệu;
- c) Xác định cấu trúc và các mối liên kết của dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia;
- d) Lưu trữ dữ liệu và vận hành hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia;
- đ) An toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- e) Quản lý tích hợp dữ liệu;
- g) Quản lý chất lượng dữ liệu.

2. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia thường xuyên được cập nhật, kiểm tra, giám sát, đánh giá bảo đảm việc khai thác, duy trì, sử dụng dữ liệu chất lượng, hiệu quả.

Điều 28. Bảo đảm nguồn lực

1. Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia có trách nhiệm bố trí đủ nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý, xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia. Trường hợp nguồn nhân lực không đáp ứng yêu cầu, được thuê chuyên gia, tổ chức có năng lực theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia có trách nhiệm bảo đảm và duy trì hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu vận hành, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia như sau:

- a) Có hệ thống máy chủ, lưu trữ, xử lý dữ liệu đáp ứng quy mô, dung lượng và tốc độ truy cập;

- b) Bảo đảm tính liên tục, ổn định, an toàn và khả năng mở rộng của hệ thống;
- c) Có giải pháp sao lưu, dự phòng, khôi phục dữ liệu trong trường hợp sự cố, thảm họa;
- d) Bảo đảm an ninh mạng theo quy định của pháp luật;
- đ) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan.

3. Chủ quản Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia được thuê chuyên gia từ ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật để tư vấn xây dựng cơ sở dữ liệu; thực hiện các hoạt động chuyên môn kỹ thuật về quản lý, vận hành, bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

4. Kinh phí xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và kinh phí chi hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định pháp luật về các khoản thu hợp pháp khác.

5. Chủ quản Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia sử dụng kinh phí cấp từ ngân sách nhà nước, từ nguồn thu phí và lệ phí, kinh phí khác theo quy định của pháp luật để phục vụ xây dựng, cập nhật, quản lý và duy trì Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

Chương IV

LƯU TRỮ, CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU, SẢN PHẨM VIỄN THÁM

Điều 29. Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám

1. Văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về viễn thám.
2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về viễn thám.
3. Thông tin, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ viễn thám.
4. Thông tin về hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám.
5. Thông tin chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám.
6. Thông tin, sản phẩm, báo cáo quan trắc, giám sát bằng viễn thám.
7. Dữ liệu viễn thám.
8. Siêu dữ liệu viễn thám.
9. Sản phẩm viễn thám.
10. Điểm tham chiếu viễn thám.

11. Khóa giải đoán viễn thám.

12. Mẫu phổ, thư viện phổ viễn thám.

Điều 30. Giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám

1. Dữ liệu, siêu dữ liệu viễn thám mua, trao đổi, nhận viện trợ của nước ngoài, sản phẩm viễn thám của các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến viễn thám thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được đơn vị chủ trì giao nộp để lưu trữ theo quy định. Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám giao nộp theo quy định trong thiết kế kỹ thuật - dự toán của chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành.

3. Các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan, tổ chức lưu trữ thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường để lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được nghiệm thu hoàn thành.

4. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám giao nộp để lưu trữ phải được kiểm tra, nghiệm thu chất lượng sản phẩm theo quy định.

5. Cơ quan, tổ chức giao nộp thông báo cho cơ quan, tổ chức lưu trữ về việc giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám; trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức lưu trữ có trách nhiệm tiếp nhận và lập biên bản bàn giao.

6. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám thuộc danh mục bí mật Nhà nước được giao nộp theo pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 31. Lưu trữ dữ liệu viễn thám

1. Cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng lưu trữ có trách nhiệm tổ chức lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám theo quy định của pháp luật về lưu trữ; bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị phục vụ lưu trữ, bảo quản an toàn và thuận tiện cho khai thác, sử dụng.

2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoạt động viễn thám phục vụ mục đích điều tra cơ bản, quan trắc giám sát trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu viễn thám phát sinh trong quá trình hoạt động và chịu trách nhiệm quản lý dữ liệu theo quy định của pháp luật.

3. Việc lưu trữ dữ liệu viễn thám phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 32. Xác nhận, xác thực dữ liệu, sản phẩm viễn thám

1. Việc xác nhận, xác thực dữ liệu, sản phẩm viễn thám được thực hiện theo quy định của pháp luật về dữ liệu.

2. Dữ liệu, sản phẩm viễn thám có giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử khi được thu nhận, xử lý phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật và được cơ quan cung cấp dữ liệu xác nhận, xác thực.

3. Dữ liệu viễn thám được sử dụng làm căn cứ để phát hiện, giám sát, đánh giá các hoạt động có nguy cơ gây tác động đến môi trường, tài nguyên và các lĩnh vực khác.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng dữ liệu viễn thám để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Việc sử dụng dữ liệu viễn thám làm chứng cứ phải bảo đảm yêu cầu về tính xác thực, toàn vẹn và truy xuất nguồn gốc.

Điều 33. Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám

1. Việc công khai thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám và cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám theo yêu cầu thực hiện theo quy định tại Luật Tiếp cận thông tin, Luật Dữ liệu và pháp luật có liên quan.

2. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám được cung cấp dưới dạng bản sao hoặc dưới dạng xuất bản phần mềm điện tử và được ưu tiên cung cấp theo yêu cầu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc trong tình huống khẩn cấp.

3. Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám, cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám có trách nhiệm thông báo công khai chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin; nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám, trừ trường hợp bất khả kháng.

4. Người cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám có một trong các hành vi quy định tại Điều 5 Luật Tiếp cận thông tin mà gây thiệt hại thì cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám phải bồi thường thiệt hại, cá nhân có hành vi vi phạm có trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

5. Thời gian cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám thực hiện theo quy định sau:

a) Đối với thông tin, dữ liệu có sẵn trong Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia thì cung cấp trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có);

b) Đối với thông tin, dữ liệu không có sẵn trong Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia thì phải có thỏa thuận riêng về việc đặt thu quét dữ liệu viễn thám với cơ quan cung cấp hoặc mua từ nước ngoài. Thời gian cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám được xác định theo thỏa thuận.

6. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám hoặc từ chối yêu cầu cung cấp thông tin trong các trường hợp quy định tại Điều 27 của Luật tiếp cận thông tin.

Điều 34. Phí khai thác, sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia và giá dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu viễn thám phải trả chi phí theo quy định.

2. Phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật phí và lệ phí.

3. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám không thu nhận tại trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh được xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc không có trong Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia thực hiện theo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ dữ liệu, sản phẩm viễn thám.

4. Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám quy định khoản 2 Điều 39 của Nghị định này và dữ liệu viễn thám gốc để sản xuất dữ liệu viễn thám chủ nhằm tích hợp vào Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phục vụ dùng chung thì không phải trả phí khai thác và sử dụng.

5. Đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu sử dụng dữ liệu do vệ tinh viễn thám của Việt Nam thu quét trên lãnh thổ nước ngoài thì cơ quan vận hành vệ tinh hoặc trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh cung cấp dữ liệu theo hợp đồng thỏa thuận trên cơ sở tham chiếu giá của dữ liệu viễn thám có thuộc tính kỹ thuật tương đương và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 35. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám

1. Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng và tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Thông báo kịp thời cho cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã được cung cấp.

3. Khai thác dữ liệu trong phạm vi được cấp, sử dụng dữ liệu đúng mục đích, không xâm nhập trái phép cơ sở dữ liệu viễn thám.

4. Phải thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định pháp luật.

5. Tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, tiếp cận thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Điều 36. Thu nhận, cung cấp dữ liệu viễn thám phục vụ tình huống khẩn cấp

1. Hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám phải vận hành ở chế độ ưu tiên cao nhất thu nhận, xử lý, cung cấp dữ liệu viễn thám phục vụ tình huống khẩn cấp.

2. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phải được cung cấp kịp thời phục vụ tình huống khẩn cấp.

Điều 37. Trao đổi, cung cấp dữ liệu viễn thám vệ tinh với các tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Nhà nước khuyến khích trao đổi dữ liệu viễn thám vệ tinh với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Vệ tinh viễn thám của Việt Nam thu quét dữ liệu trên lãnh thổ nước ngoài được trao đổi dữ liệu với vệ tinh viễn thám của nước ngoài thu quét dữ liệu trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

3. Việc trao đổi dữ liệu, sản phẩm viễn thám vệ tinh với tổ chức, cá nhân nước ngoài tại các khu vực, địa điểm trọng yếu về quốc phòng, an ninh, cơ yếu, dữ liệu thuộc danh mục bí mật Nhà nước do cơ quan nhà nước hoặc cá nhân, tổ chức thu thập, quản lý phải được đánh giá tác động và gửi hồ sơ đánh giá tác động về Bộ Công an và Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Chuyển, xử lý dữ liệu, sản phẩm viễn thám trên không và mặt đất xuyên biên giới

1. Chủ sở hữu dữ liệu, sản phẩm viễn thám trên không và mặt đất phục vụ mục đích điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát phải xây dựng hồ sơ đánh giá tác động khi chuyển, xử lý xuyên biên giới theo quy định pháp luật về dữ liệu và gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

2. Việc chuyển, xử lý dữ liệu, sản phẩm viễn thám trên không và mặt đất phục vụ điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát xuyên biên giới chỉ được thực hiện sau khi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thẩm định theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Tổ chức, cá nhân đại diện cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của nước ngoài

1. Tổ chức, cá nhân đại diện cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của nước ngoài phải có giấy ủy quyền đại diện cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của tổ chức được đại diện.

2. Tổ chức, cá nhân đại diện cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của nước ngoài phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy về sản phẩm viễn thám, đảm bảo thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám được cung cấp phù hợp với tiêu chuẩn công bố; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm viễn thám do mình tạo ra.

3. Hằng năm, tổ chức, cá nhân đại diện cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của nước ngoài phải báo cáo về tình hình cung cấp dữ liệu cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chương V

ỨNG DỤNG VIỄN THÁM VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM VIỄN THÁM

Điều 40. Hoạt động ứng dụng viễn thám

1. Ứng dụng viễn thám trong điều tra, giám sát, đánh giá và quản lý tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên biển và hải đảo, địa chất và khoáng sản; đo đạc, bản đồ; xây dựng, cập nhật dữ liệu nền địa lý, dữ liệu chuyên đề phục vụ quản lý nhà nước.

2. Ứng dụng viễn thám phục vụ bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; giám sát chất lượng môi trường, ô nhiễm, suy thoái tài nguyên và các yếu tố môi trường khác.

3. Ứng dụng viễn thám phục vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp, chăn nuôi, thú y, trồng trọt, bảo vệ thực vật và phát triển nông thôn; giám sát sản xuất, tài nguyên và hạ tầng; hỗ trợ quy hoạch, quản lý vùng sản xuất.

4. Ứng dụng viễn thám phục vụ giám sát, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, phòng, chống thiên tai, đê điều, biến đổi khí hậu; đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu và hỗ trợ công tác ứng phó, khắc phục hậu quả.

5. Ứng dụng viễn thám giám sát hạ tầng năng lượng, công nghiệp và thương mại phục vụ quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn công trình, theo dõi biến động hạ tầng, hoạt động khai thác tài nguyên và đánh giá tác động môi trường phục vụ quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội.

6. Ứng dụng viễn thám phục vụ công tác quy hoạch, quản lý tổng hợp phát triển bền vững các ngành, lĩnh vực; kiểm tra, hậu kiểm các lĩnh vực có liên quan, đồng thời phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Điều 41. Hệ thống quan trắc, giám sát viễn thám

Hệ thống quan trắc giám sát viễn thám là hệ thống thu nhận, xử lý, tích hợp và khai thác dữ liệu về bề mặt Trái Đất, khí quyển, đại dương và môi trường bao gồm các thành phần chính sau đây:

1. Hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám.
2. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.
3. Khóa giải đoán, thư viện phổ, điểm tham chiếu viễn thám.
4. Hạ tầng xử lý, phân tích, chiết xuất thông tin từ dữ liệu viễn thám.

Điều 42. Yêu cầu đối với xây dựng và phát triển hệ thống quan trắc, giám sát viễn thám

1. Bảo đảm khả năng thu nhận, tích hợp và khai thác dữ liệu viễn thám trên phạm vi toàn quốc, khu vực và tại các khu vực trọng điểm.
2. Bảo đảm tính liên tục, ổn định, chính xác và kịp thời theo thời gian thực của dữ liệu quan trắc.
3. Bảo đảm yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh và chủ quyền quốc gia.

Điều 43. Quản lý hạ tầng xử lý, phân tích, chiết xuất thông tin từ dữ liệu viễn thám

1. Hạ tầng xử lý, phân tích, chiết xuất thông tin từ dữ liệu viễn thám là hệ thống gồm phần cứng, phần mềm và nền tảng công nghệ phục vụ xử lý, phân tích, tích hợp và khai thác dữ liệu viễn thám.
2. Hạ tầng xử lý, phân tích, chiết xuất thông tin từ dữ liệu viễn thám phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu, đặc biệt đối với dữ liệu nhạy cảm.

Điều 44. Quan trắc, giám sát bằng viễn thám

1. Quan trắc, giám sát bằng viễn thám là việc ứng dụng viễn thám để thu nhận, xử lý và phân tích có hệ thống các thông tin biểu hiện trạng thái, hiện tượng nhằm theo dõi, đánh giá quá trình diễn biến theo không gian và thời gian của các

đối tượng trên Trái Đất và khí quyển, bao gồm các chỉ số liên quan đến biến đổi khí hậu và môi trường toàn cầu.

2. Yêu cầu đối với quan trắc, giám sát bằng viễn thám

a) Quan trắc, giám sát bằng viễn thám phải liên tục, thống nhất theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm quan trắc, giám sát bằng viễn thám phải được kiểm tra, đánh giá chất lượng.

3. Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố báo cáo quan trắc, giám sát bằng viễn thám của năm trước trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 45. Giám sát thiên tai bằng viễn thám

1. Giám sát thiên tai bằng viễn thám là hoạt động ứng dụng viễn thám nhằm thu nhận thông tin về khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai; hỗ trợ giám sát, đánh giá thiệt hại, thống kê, phân tích tác động; cung cấp dữ liệu phục vụ phân vùng rủi ro và xây dựng cơ sở dữ liệu giám sát thiên tai, quản lý đề điều.

2. Trách nhiệm của cơ quan vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh:

a) Huy động mọi nguồn lực (nhân lực, máy móc, thiết bị, kinh phí) tập trung, ưu tiên thu nhận dữ liệu viễn thám giám sát thiên tai kịp thời;

b) Cung cấp dữ liệu viễn thám cho cơ quan được giao nhiệm vụ giám sát thiên tai bằng viễn thám ngay sau khi thu nhận được dữ liệu.

3. Trách nhiệm của cơ quan được giao nhiệm vụ giám sát thiên tai bằng viễn thám vệ tinh:

a) Trực, theo dõi diễn biến trong quá trình thiên tai xảy ra, thông báo kịp thời cho cơ quan vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh về khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai;

b) Xử lý, phân tích dữ liệu viễn thám vệ tinh ngay sau khi nhận được để chiết xuất các thông tin về thiên tai;

c) Cung cấp kết quả giám sát thiên tai cho cơ quan dự báo cảnh báo thiên tai, cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai.

Điều 46. Dữ liệu chuyên đề thành lập bằng viễn thám

1. Dữ liệu chuyên đề thành lập bằng viễn thám là dữ liệu thể hiện trực quan sự phân bố không gian của một chủ đề hoặc một đối tượng cụ thể được chiết xuất từ dữ liệu viễn thám.

2. Thời điểm xác định hiện trạng của dữ liệu chuyên đề thành lập bằng viễn thám được xác định căn cứ tại thời điểm thu nhận dữ liệu viễn thám từ cảm biến.

3. Dữ liệu chuyên đề thành lập bằng viễn thám phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành

4. Sản phẩm dữ liệu chuyên đề thành lập bằng viễn thám phải được kiểm tra, nghiệm thu chất lượng trước khi đưa vào sử dụng.

Điều 47. Chỉ số viễn thám

1. Chỉ số viễn thám là giá trị xác định từ dữ liệu viễn thám thông qua việc kết hợp các kênh phổ hoặc tín hiệu phản xạ, bức xạ nhằm phản ánh đặc trưng của đối tượng, hiện tượng trên bề mặt Trái đất hoặc khí quyển phục vụ quan trắc, giám sát và quản lý.

2. Dữ liệu sử dụng để tính toán chỉ số viễn thám phải có nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp; đáp ứng yêu cầu về độ phân giải không gian, thời gian và phổ; phù hợp với mục đích điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát; được kiểm định bằng dữ liệu thực địa hoặc nguồn dữ liệu độc lập; được lưu trữ và công bố theo quy định của pháp luật.

3. Việc xây dựng, khai thác và cập nhật chỉ số viễn thám phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quốc tế; bảo đảm tính khách quan, chính xác, đồng bộ và khả năng tích hợp vào Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia, tuân thủ quy định về an ninh mạng.

4. Khuyến khích ứng dụng công nghệ mới, bao gồm trí tuệ nhân tạo và học máy trong xây dựng và khai thác chỉ số viễn thám.

5. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chỉ số viễn thám; chủ trì xây dựng và quản lý hệ thống chỉ số viễn thám; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng chỉ số viễn thám.

6. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm khai thác, sử dụng chỉ số viễn thám trong phạm vi quản lý; phối hợp trong xây dựng, cập nhật và khai thác hệ thống chỉ số viễn thám.

Điều 48. Điểm tham chiếu viễn thám

1. Điểm tham chiếu viễn thám là điểm có hình ảnh trên dữ liệu viễn thám và được xác định tọa độ trong hệ tọa độ quốc gia để hiệu chỉnh hình học dữ liệu viễn thám và quan trắc dịch chuyển bề mặt Trái Đất.

2. Điểm tham chiếu viễn thám phải được xây dựng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 49. Khóa giải đoán viễn thám và mẫu phổ viễn thám

1. Khóa giải đoán viễn thám là dữ liệu mẫu thể hiện các đặc điểm nhận dạng của đối tượng trên bề mặt Trái Đất dựa trên các yếu tố như màu sắc, hình dạng, kích thước, cấu trúc, bóng đổ và bối cảnh địa lý trên dữ liệu viễn thám.

2. Mẫu phổ viễn thám là dữ liệu mẫu thể hiện đặc trưng phản xạ hoặc phát xạ bức xạ điện từ của một đối tượng trên bề mặt Trái Đất, khí quyển và được ghi nhận qua các dải phổ khác nhau bởi cảm biến viễn thám. Thư viện phổ viễn thám là tập hợp các mẫu phổ viễn thám của các đối tượng trên bề mặt Trái Đất và khí quyển.

3. Khóa giải đoán viễn thám và mẫu phổ viễn thám được sử dụng để huấn luyện các mô hình học máy phục vụ chiết xuất thông tin từ dữ liệu viễn thám bằng trí tuệ nhân tạo.

4. Yêu cầu đối với khóa giải đoán viễn thám và mẫu phổ viễn thám:

a) Bảo đảm tính đại diện, phản ánh khách quan các đối tượng trên Trái Đất và khí quyển;

b) Phải được xây dựng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 50. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám

1. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm viễn thám trong sản xuất được thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Các sản phẩm viễn thám được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu để lưu thông trên thị trường phải bảo đảm chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực viễn thám và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG VIỄN THÁM

Điều 51. Danh mục hoạt động viễn thám phải có giấy phép

1. Vận hành trạm điều khiển vệ tinh viễn thám.

2. Vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh.

3. Việc cấp phép vận hành trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện.

Điều 52. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động viễn thám

1. Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Có cơ sở vật chất, kỹ thuật thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm đáp ứng yêu cầu hoạt động viễn thám được cấp phép gồm: trạm điều khiển vệ tinh viễn thám đối với cấp phép vận hành trạm điều khiển vệ tinh viễn thám; trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh đối với cấp phép vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh và phương án bảo đảm an ninh mạng.

3. Có đội ngũ nhân lực ít nhất 06 người, 02 người tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành liên quan đến vận hành trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh (địa lý, trắc địa ảnh, hàng không vũ trụ, công nghệ thông tin, tự động hóa) trong đó 01 người có ít nhất 05 năm kinh nghiệm hoạt động viễn thám liên quan đến nội dung được cấp phép.

Điều 53. Điều kiện hoạt động viễn thám của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam

1. Có các điều kiện tương ứng quy định tại Điều 56 của Nghị định này.
2. Được phép hoạt động tại Việt Nam.
3. Có hệ thống máy chủ lưu trữ dữ liệu được đặt tại Việt Nam.
4. Có năng lực tài chính theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 54. Nội dung giấy phép hoạt động viễn thám

Giấy phép hoạt động viễn thám theo Mẫu số 11 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này bao gồm các nội dung sau:

1. Thông tin của tổ chức được cấp giấy phép (Tên, địa chỉ).
2. Nội dung hoạt động viễn thám.
3. Thời hạn của giấy phép.

Điều 55. Thời hạn giấy phép hoạt động viễn thám

1. Giấy phép hoạt động viễn thám được cấp có thời hạn tối đa là 05 năm.
2. Giấy phép hoạt động viễn thám được xem xét gia hạn khi tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này và trong thời gian hoạt động theo giấy phép đã được cấp không vi phạm pháp luật, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm.

Điều 56. Hồ sơ cấp, gia hạn giấy phép hoạt động viễn thám

1. Hồ sơ cấp giấy phép hoạt động viễn thám đối với tổ chức:
 - a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động viễn thám theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc tệp tin bản sao điện tử quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ đối với các tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động viễn thám không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao hoặc tệp tin bản sao điện tử văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên;

d) Bản khai cơ sở vật chất, kỹ thuật; quy trình vận hành, bảo trì;

đ) Bản khai kinh nghiệm công tác của nhân viên tham gia hoạt động viễn thám, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự nơi đã từng làm việc;

e) Trường hợp văn bằng, chứng chỉ được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học, cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp được kết nối, chia sẻ thì không cần nộp các bản sao văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản này.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép đối với tổ chức:

a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo kết quả hoạt động viễn thám kể từ khi được cấp giấy phép theo Mẫu số 13 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

c) Bản sao giấy phép hoạt động viễn thám đã được cấp.

Điều 57. Thủ tục cấp, gia hạn giấy phép hoạt động viễn thám

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hoạt động viễn thám thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn giấy phép hoạt động viễn thám được quy định tại Điều 55 Nghị định này.

2. Thủ tục cấp, gia hạn giấy phép hoạt động viễn thám:

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn giấy phép quy định tại Điều 60 của Nghị định này trên Cổng thông tin dịch vụ công và nhận giấy phép trong thời hạn quy định tại Điều 62 của Nghị định này.

3. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp, gia hạn giấy phép hoạt động viễn thám nộp hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn giấy phép cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Đối với trường hợp gia hạn giấy phép hoạt động viễn thám thì nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất là 30 ngày làm việc.

Điều 58. Trình tự, thời gian cấp, gia hạn giấy phép hoạt động viễn thám

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, khẳng định tính hợp lệ của hồ sơ đã nhận; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

2. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, tổ chức thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận, trình thủ trưởng cơ quan quản lý chuyên ngành về hoạt động viễn thám thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp, gia hạn giấy phép hoạt động viễn thám cho tổ chức có đủ điều kiện trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc.

Trường hợp không đủ điều kiện cấp, gia hạn giấy phép thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết lý do.

Điều 59. Cấp lại giấy phép hoạt động viễn thám

1. Giấy phép hoạt động viễn thám được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hư hỏng không thể sử dụng được, tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do nhận chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức làm thay đổi chủ quản lý nhưng không có sự thay đổi các nội dung khác của giấy phép.

2. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động viễn thám trực tiếp nộp đơn đề nghị theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này và các tài liệu có liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy phép tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định này (nếu có sự thay đổi).

3. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hoạt động viễn thám thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xem xét, thẩm định, thẩm tra, cấp lại giấy phép hoạt động viễn thám cho tổ chức có đủ điều kiện trong thời hạn 05 ngày làm việc; trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép thì trả lời bằng văn bản cho tổ chức biết lý do.

Điều 60. Thu hồi và trả lại giấy phép hoạt động viễn thám

1. Trường hợp bị thu hồi giấy phép hoạt động viễn thám:

- a) Nội dung kê khai đề nghị cấp giấy phép là giả mạo;
- b) Tổ chức là chủ giấy phép bị giải thể hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản;
- c) Giấy phép được cấp nhưng không tổ chức hoạt động viễn thám trong thời gian 12 tháng liên tục;
- d) Chủ giấy phép vẫn tiếp tục hoạt động khi đã có quyết định đình chỉ hiệu lực của giấy phép;
- đ) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền;
- e) Tự ý chuyển nhượng giấy phép;
- g) Chủ giấy phép lợi dụng giấy phép thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

2. Trả lại giấy phép hoạt động viễn thám trong trường hợp chủ giấy phép không tổ chức hoạt động viễn thám và có văn bản thông báo lý do trả lại giấy phép.

Điều 61. Đình chỉ hiệu lực của giấy phép hoạt động viễn thám

Giấy phép bị đình chỉ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

1. Vi phạm nội dung quy định của giấy phép.
2. Vi phạm nghĩa vụ về thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.
3. Vi phạm về quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám theo quy định tại Điều 50 Nghị định này.
4. Không thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc báo cáo trong hai quý liên tiếp, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động viễn thám theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Chấm dứt hiệu lực của giấy phép hoạt động viễn thám

1. Giấy phép bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây:
 - a) Giấy phép bị thu hồi;
 - b) Giấy phép đã hết hạn;
 - c) Giấy phép đã được trả lại.
2. Khi giấy phép bị chấm dứt hiệu lực thì các quyền và nghĩa vụ liên quan đến giấy phép cũng chấm dứt.

Điều 63. Trình tự, thời gian thu hồi, đình chỉ, chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động viễn thám

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động viễn thám sau khi phát hiện các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 60 và Điều 61 của tổ chức, cá nhân hoạt động viễn thám có trách nhiệm ra quyết định thu hồi, đình chỉ, chấm dứt hiệu lực trong thời gian 10 ngày làm việc.
2. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động viễn thám sau khi nhận được văn bản trả lại giấy phép của tổ chức, cá nhân hoạt động viễn thám có trách nhiệm ra quyết định chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động viễn thám trong thời gian 05 ngày làm việc.

Chương VII TRÁCH NHIỆM VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 64. Nội dung quản lý nhà nước về viễn thám

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy định kỹ thuật về viễn thám.
2. Quản lý hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám; cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia; lưu trữ, cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám;

ứng dụng viễn thám, quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám và giấy phép hoạt động viễn thám.

3. Nghiên cứu khoa học và công nghệ; hợp tác quốc tế; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực viễn thám.

4. Cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi, đình chỉ giấy phép hoạt động viễn thám.

5. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về viễn thám; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động viễn thám.

6. Tổ chức phổ biến pháp luật, thông tin, truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng về viễn thám.

Điều 65. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về viễn thám; phối hợp xây dựng quy chế liên ngành về viễn thám.

2. Có ý kiến về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật - công nghệ liên quan đến hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám, ứng dụng và phát triển viễn thám trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám; xác thực, xác nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám vệ tinh của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và xây dựng, điều chỉnh kế hoạch thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh 05 năm và định kỳ hằng năm.

5. Xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý; quản lý, xây dựng, cập nhật, vận hành và phát triển Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia; thu nhận, lưu trữ, xử lý, cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám; tổng hợp và công bố siêu dữ liệu viễn thám; công bố danh mục và tổ chức công khai thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám mở.

7. Tổ chức triển khai ứng dụng viễn thám phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ viễn thám; làm đầu mối thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực viễn thám.

8. Cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi, đình chỉ giấy phép hoạt động viễn thám.

9. Đề xuất kinh phí dự phòng hằng năm mua dữ liệu viễn thám phục vụ ứng phó với tình huống khẩn cấp về thiên tai.

10. Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về viễn thám và xử lý vi phạm pháp luật về viễn thám theo thẩm quyền.

Điều 66. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động viễn thám trên không.
2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về độ mật, giải mật của dữ liệu viễn thám thuộc lĩnh vực quản lý.
3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy chế chia sẻ dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý. Thực hiện việc chia sẻ dữ liệu viễn thám thu nhận được vào Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia theo quy chế chia sẻ dữ liệu viễn thám được ban hành.
4. Xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về hệ thống thu nhận dữ liệu, sản phẩm viễn thám chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.
5. Có ý kiến về kế hoạch xây dựng trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám vệ tinh độ phân giải cao và siêu cao, trạm thu và điều khiển viễn thám trên không, trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.
6. Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám phục vụ quốc phòng.
7. Xác định danh mục khu vực hạn chế, khu vực cấm thu nhận dữ liệu viễn thám.
8. Thẩm định hồ sơ đánh giá tác động việc trao đổi, chuyển, xử lý dữ liệu, sản phẩm viễn thám viễn thám xuyên biên giới.
9. Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 70 của Nghị định này.

Điều 67. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động viễn thám mặt đất.
2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về độ mật, giải mật của dữ liệu viễn thám thuộc lĩnh vực quản lý.
3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy chế chia sẻ dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý. Thực hiện việc chia sẻ dữ liệu viễn thám thu nhận được vào Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia theo quy chế chia sẻ dữ liệu viễn thám được ban hành.

4. Xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về hệ thống thu nhận dữ liệu, sản phẩm viễn thám chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

5. Có ý kiến về kế hoạch xây dựng trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám vệ tinh độ phân giải cao và siêu cao, trạm thu và điều khiển viễn thám trên không, trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

6. Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám phục vụ an ninh.

7. Xác định danh mục khu vực hạn chế, khu vực cấm thu nhận dữ liệu viễn thám.

8. Thẩm định hồ sơ đánh giá tác động việc trao đổi, chuyển, xử lý dữ liệu, sản phẩm viễn thám viễn thám xuyên biên giới.

9. Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 70 của Nghị định này.

Điều 68. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Có ý kiến về kế hoạch xây dựng trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh độ phân giải cao và siêu cao, trạm thu nhận và điều khiển viễn thám trên không, trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

2. Quản lý tần số và quỹ đạo vệ tinh thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

3. Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 70 của Nghị định này.

Điều 69. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, cơ chế huy động vốn tư nhân, ưu đãi thuế, vốn vay đối với doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực viễn thám.

2. Xây dựng và ban hành quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.

3. Bố trí kinh phí dự phòng hằng năm mua dữ liệu viễn thám phục vụ ứng phó với tình huống khẩn cấp về thiên tai.

Điều 70. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan

1. Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn về ứng dụng viễn thám trong phạm vi quản lý.

2. Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

3. Triển khai thực hiện việc thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu viễn thám; cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

4. Tích hợp dữ liệu viễn thám thu nhận được vào Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phục vụ khai thác dùng chung.

5. Bảo đảm hành lang an toàn kỹ thuật hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Quản lý chất lượng dữ liệu, sản phẩm viễn thám; xác thực, xác nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

7. Xây dựng nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý định kỳ hằng năm, 05 năm và theo nhiệm vụ đột xuất Nhà nước giao theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận.

Điều 71. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động viễn thám tại địa phương.

2. Xây dựng, quản lý, vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

3. Triển khai thực hiện việc thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu viễn thám; cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

4. Tích hợp dữ liệu viễn thám thu nhận được vào Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phục vụ khai thác dùng chung.

5. Bảo đảm hành lang an toàn kỹ thuật hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám tại địa phương theo quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Xây dựng nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương định kỳ hằng năm, 05 năm và theo nhiệm vụ đột xuất Nhà nước giao theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận.

7. Triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn sử dụng dữ liệu viễn thám trong phạm vi quản lý.

8. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương; xác thực, xác nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

9. Kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc chấp hành các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

Điều 72. Báo cáo về hoạt động viễn thám

1. Thời gian chốt số liệu trong báo cáo định kỳ hằng năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

2. Báo cáo được gửi bằng văn bản điện tử có chữ ký số bởi người có thẩm quyền hoặc văn bản giấy do người có thẩm quyền ký và đóng dấu.

3. Trách nhiệm lập và gửi báo cáo về hoạt động viễn thám

a) Tổ chức hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập báo cáo về hoạt động viễn thám theo Mẫu số 14 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này gửi cơ quan chủ quản trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, trừ các nội dung ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh và bí mật Nhà nước;

b) Tổ chức hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động viễn thám theo Mẫu số 14 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 12 hằng năm;

c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý theo Mẫu số 14 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 20 tháng 12 hằng năm;

d) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng báo cáo về hoạt động viễn thám trên phạm vi cả nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

4. Ngoài việc thực hiện báo cáo định kỳ, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thám thì cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động viễn thám theo yêu cầu.

5. Cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu trong báo cáo về hoạt động viễn thám của mình.

Điều 73. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động viễn thám hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ Điều 58, Điều 59 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì nội dung dẫn chiếu thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

5. Các dự án về xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám, di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động viễn thám.

6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Hưng

Phụ lục

MẪU BÁO CÁO, VĂN BẢN YÊU CẦU

*(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026
của Chính phủ về hoạt động viễn thám)*

Mẫu số 01	Công văn xin ý kiến về Kế hoạch xây dựng trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám vệ tinh độ phân giải cao và siêu cao, trạm thu và điều khiển viễn thám trên không, trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất
Mẫu số 02	Báo cáo về việc vận hành trạm điều khiển vệ tinh viễn thám (hàng quý)
Mẫu số 03	Báo cáo về việc vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh (hàng quý)
Mẫu số 04	Báo cáo về việc vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám trên không (hàng quý)
Mẫu số 05	Báo cáo về việc vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất (hàng quý)
Mẫu số 06	Nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám vệ tinh
Mẫu số 07	Báo cáo công bố siêu dữ liệu viễn thám (hàng năm)
Mẫu số 08	Báo cáo công bố siêu dữ liệu viễn thám (thường xuyên)
Mẫu số 09	Công bố siêu dữ liệu viễn thám (hàng tháng)
Mẫu số 10	Báo cáo quan trắc, giám sát bằng viễn thám (hàng năm)
Mẫu số 11	Giấy phép hoạt động viễn thám
Mẫu số 12	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động viễn thám (lần đầu, gia hạn, cấp lại)
Mẫu số 13	Báo cáo kết quả hoạt động viễn thám kể từ khi được cấp giấy phép
Mẫu số 14	Báo cáo về hoạt động viễn thám

Mẫu số 01. Công văn xin ý kiến Kế hoạch xây dựng trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám vệ tinh độ phân giải cao và siêu cao, trạm thu và điều khiển viễn thám trên không, trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

V/v.....

Kính gửi: - Bộ Quốc phòng

- Bộ Công an

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Bộ Khoa học và Công nghệ.

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày/...../2026 của Chính phủ về hoạt động viễn thám;

Căn cứ nhu cầu phát triển hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ [Mục đích dự án: Phát triển kinh tế - xã hội/ Quốc phòng/ An ninh];

Thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số/2026/NĐ-CP về việc xin ý kiến các cơ quan liên quan trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám.

[Tên đơn vị chủ đầu tư] đang triển khai lập kế hoạch xây dựng công trình với các thông tin chính như sau:

1. Tên công trình: [Ghi rõ loại trạm: Trạm điều khiển vệ tinh viễn thám/ Trạm thu dữ liệu viễn thám vệ tinh độ phân giải cao và siêu cao/ Trạm thu và điều khiển viễn thám trên không/ Trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất].

2. Vị trí dự kiến: [Tọa độ địa lý và địa chỉ hành chính cụ thể].

3. Đặc tính kỹ thuật: [Độ phân giải dữ liệu (siêu cao/cao), loại cảm biến (quang học/radar), phạm vi thu quét dữ liệu].

4. Mục tiêu: [Nêu tóm tắt mục tiêu phục vụ điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát hoặc nhiệm vụ chuyên môn khác].

Để có cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, [Tên đơn vị chủ đầu tư] kính đề nghị Quý Bộ xem xét và cho ý kiến bằng văn bản về các nội dung liên quan đến:

Phạm vi, quy mô và giải pháp kỹ thuật - công nghệ của công trình.

Các yếu tố bảo đảm quốc phòng, an ninh và hành lang an toàn kỹ thuật của công trình tại vị trí dự kiến xây dựng.

Tính thống nhất, dùng chung và khả năng kết nối với Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

(Kèm theo công văn này là Dự thảo Kế hoạch xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám và các tài liệu kỹ thuật liên quan),.

Rất mong nhận được sự phối hợp, cho ý kiến của Quý Bộ để đơn vị có cơ sở triển khai các bước tiếp theo của dự án.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02. Báo cáo về việc vận hành trạm điều khiển vệ tinh viễn thám

TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC

Số...../BC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO VỀ VIỆC VẬN HÀNH TRẠM ĐIỀU KHIỂN VỆ TINH VIỄN THÁM (Quý...)

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

I. CĂN CỨ THỰC HIỆN

- Căn cứ Nghị định số/20.../NĐ-CP ngàytháng ... năm 20... của Chính phủ về hoạt động viễn thám;

- Căn cứ;

- Căn cứ;

...

Đơn vị vận hành... xin báo cáo về việc vận hành trạm điều khiển vệ tinh viễn thám từ ngày..tháng.. năm đến ngày.. tháng.. năm, như sau:

II. VẬN HÀNH TRẠM ĐIỀU KHIỂN VỆ TINH VIỄN THÁM

2.1. Tổng quan hoạt động trạm điều khiển vệ tinh viễn thám

- Tên trạm điều khiển: [Tên trạm]

- Vị trí đặt trạm điều khiển: [Tọa độ hoặc địa chỉ]

- Vệ tinh điều khiển: [Tên vệ tinh]

- Kỳ báo cáo:

- Đơn vị thực hiện:

2.2. Hiện trạng thiết bị trạm điều khiển vệ tinh viễn thám

- Hiện trạng: [hiện trạng trạm theo thực tế]

- Sửa chữa/Bảo trì định kỳ: (ghi rõ sự cố gặp phải, ngày thực hiện sửa chữa, thời gian gián đoạn).

- Các vấn đề tồn tại (nếu có): (ghi những vấn đề chưa có mục báo cáo bên trên hoặc cần phải theo dõi)

2.3. Hoạt động điều khiển vệ tinh

STT	Số lượng ca làm việc			Ghi chú
	Đo xa/điều khiển	Hiệu chuẩn	Thay đổi quỹ đạo	
I	Tên vệ tinh 01			
1				
2				
...				
II	Tên vệ tinh 02			

1				
2				
...				

III. KẾT QUẢ ĐIỀU KHIỂN THU QUÉT TÍN HIỆU

3.1. Đối với vệ tinh quang học

3.1.1. Kết quả thu quét tín hiệu

TT	Ngày, tháng, năm	Khu vực thu quét	Thời gian thu quét**	Kết quả thu quét (cảnh ảnh/km ²)	Ghi chú
I	Tên vệ tinh 01				
1					
2					
...					
II	Tên vệ tinh 02				
1					
2					
...					

3.1.2. Kết quả thu quét tín hiệu trong trường hợp khẩn cấp

TT	Ngày, tháng, năm	Khu vực thu quét	Thời gian thu quét**	Kết quả thu quét (cảnh ảnh/km ²)	Ghi chú
I	Tên vệ tinh 01				
1					
2					
...					
II	Tên vệ tinh 02				
1					
2					
...					

3.1.3. Sơ đồ các dải thu quét tín hiệu (đối với từng vệ tinh ở định dạng *.pdf và véc-tơ)

3.2. Đối với vệ tinh Ra-đa

3.2.1. Kết quả thu quét tín hiệu

TT	Ngày, tháng, năm	Khu vực thu quét	Thời gian thu quét**	Chế độ thu quét/ Độ	Phân cực	Góc quét	Kết quả thu quét (cảnh ảnh/km ²)	Ghi chú
----	------------------------	------------------------	-------------------------------	------------------------------	-------------	-------------	---	------------

				phân giải				
I	Tên vệ tinh 01							
1								
2								
...								
II	Tên vệ tinh 02							
1								
2								
...								

3.2.2. Kết quả thu quét tín hiệu trong trường hợp khẩn cấp

TT	Ngày, tháng, năm	Khu vực thu quét	Thời gian thu quét**	Chế độ thu quét/ Độ phân giải	Phân cực	Góc quét	Kết quả thu quét (cảnh ảnh/km²)	Ghi chú
I	Tên vệ tinh 01							
1								
2								
...								
II	Tên vệ tinh 02							
1								
2								
...								

3.2.3. Sơ đồ các dải thu quét tín hiệu (đối với từng vệ tinh ở định dạng *.pdf và véc-tơ)

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Thuận lợi:

4.2. Khó khăn, vướng mắc:

4.3. Kiến nghị, đề xuất:

Nơi nhận:

-
- ...

THỦ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03. Báo cáo về vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh

TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC

Số...../BC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO VỀ VẬN HÀNH TRẠM THU NHẬN DỮ LIỆU VIỄN THÁM
VỆ TINH (Quý...)**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

I. CĂN CỨ THỰC HIỆN

- Căn cứ Nghị định số/20.../NĐ-CP ngàytháng ... năm 20... của Chính phủ về hoạt động viễn thám;

- Căn cứ;

- Căn cứ;

...

Đơn vị vận hành (tên đơn vị) báo cáo về vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh từ ngày...tháng...năm đến ngày... tháng... năm như sau:

II. VẬN HÀNH TRẠM THU NHẬN DỮ LIỆU VIỄN THÁM VỆ TINH

2.1. Tình trạng hoạt động trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh

- Tên trạm thu: [Tên trạm]

- Vị trí đặt trạm thu: [Tọa độ hoặc địa chỉ]

- Lỗi kỹ thuật:

STT	Từ ngày.. đến ngày ..	Mô tả lỗi	Biện pháp xử lý	Kết quả khắc phục lỗi

- Bảo trì định kỳ:

+ Thời gian bảo trì;

+ Đơn vị thực hiện;

+ Nội dung bảo trì.

- **Hệ thống lưu trữ và xử lý dữ liệu:**

+ Tình trạng máy chủ: [hiện trạng máy chủ theo thực tế]

+ Tình trạng hệ thống lưu trữ: [hiện trạng hệ thống lưu trữ, đánh giá dung lượng tối đa tại thời điểm báo cáo]

+ Dung lượng sử dụng: [xx% trên dung lượng tối đa báo cáo ở trên]

+ Sửa chữa/Bảo trì định kỳ: (ghi rõ sự cố gặp phải, ngày thực hiện sửa chữa, thời gian gián đoạn).

- *Các vấn đề tồn tại (nếu có):*

2.2. Kết quả thu nhận dữ liệu viễn thám

2.2.1. Đối với trạm thu nhận dữ liệu viễn thám quang học

a) Vệ tinh 1 (tên vệ tinh)

- Tổng số dữ liệu viễn thám thu nhận được (cảnh ảnh/km²):
- Tổng số dữ liệu viễn thám thu nhận được có độ phủ mây dưới 25% (cảnh ảnh/km²):
- Tổng số dữ liệu viễn thám thu nhận được có độ phủ mây dưới 10% (cảnh ảnh/km²):
- Sơ đồ dải quét (định dạng pdf, vector):

b) Vệ tinh 2 (tên vệ tinh)

....

2.2.2. Đối với trạm thu nhận dữ liệu viễn thám Radar

a) Vệ tinh 1 (tên vệ tinh)

- Dữ liệu viễn thám chế độ ..., phân cực..., góc quét.....thu nhận được (cảnh ảnh/km²):
- Dữ liệu viễn thám chế độ ..., phân cực..., góc quét.....thu nhận được (cảnh ảnh/km²):

....

TT	Ngày, tháng, năm	Khu vực thu quét	Thời gian thu quét**	Chế độ thu quét/ Độ phân giải	Phân cực	Góc quét	Kết quả thu quét (cảnh ảnh/km ²)	Ghi chú
I	Tên vệ tinh 1							
1								
2								
...								
II	Tên vệ tinh 2							
1								
2								
...								

- Sơ đồ dải quét (định dạng pdf, vector):

b) Vệ tinh 2 (tên vệ tinh)

- Dữ liệu viễn thám chế độ ..., phân cực..., góc quét.....thu nhận được (cảnh ảnh/km²):
- Dữ liệu viễn thám chế độ ..., phân cực..., góc quét.....thu nhận được (cảnh ảnh/km²):

....

TT	Ngày, tháng, năm	Khu vực thu quét	Thời gian thu quét**	Chế độ thu quét/ Độ	Phân cực	Góc quét	Kết quả thu quét (cảnh ảnh/km ²)	Ghi chú
----	------------------	------------------	----------------------	------------------------	----------	----------	--	---------

				phân giải				
I	Tên vệ tinh 1							
1								
2								
...								
II	Tên vệ tinh 2							
1								
2								
...								

- Sơ đồ dải quét (định dạng pdf, vector):

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Thuận lợi:

3.2. Khó khăn, vướng mắc:

3.3. Kiến nghị, đề xuất:

Nơi nhận:

-
- ...

THỦ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04. Báo cáo về việc vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám trên không

TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC

Số...../BC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO VỀ VIỆC VẬN HÀNH TRẠM THU NHẬN DỮ LIỆU VIỄN THÁM TRÊN KHÔNG (Quý)

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

I. CĂN CỨ THỰC HIỆN

- Căn cứ Nghị định số/20.../ND-CP ngàytháng ... năm 20... của Chính phủ về hoạt động viễn thám;

- Căn cứ;

- Căn cứ;

...

Đơn vị vận hành (tên đơn vị) báo cáo về vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám trên không từ ngày...tháng...năm đến ngày... tháng... năm như sau:

II. TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA TRẠM THU NHẬN DỮ LIỆU VIỄN THÁM TRÊN KHÔNG

2.1. Thông tin chung:

Tên trạm thu: [Tên trạm].

Vị trí đặt trạm: [Tọa độ địa lý hoặc địa chỉ hành chính].

Phương tiện bay:

Phương tiện bay số 01 (Tàu bay không người lái/UAV, hoặc phương tiện bay khác): [Tên phương tiện, thông số kỹ thuật của phương tiện, cảm biến kèm theo, giấy phép sử dụng thiết bị bay không người lái và phương tiện bay khác gắn cảm biến viễn thám].

Phương tiện bay số 02 (Tàu bay không người lái/UAV, hoặc phương tiện bay khác): [Tên phương tiện, thông số kỹ thuật của phương tiện, cảm biến kèm theo, giấy phép sử dụng thiết bị bay không người lái và phương tiện bay khác gắn cảm biến viễn thám].

.....

Phương tiện bay số ... (Tàu bay không người lái/UAV, hoặc phương tiện bay khác): [Tên phương tiện, thông số kỹ thuật của phương tiện, cảm biến kèm theo, giấy phép sử dụng thiết bị bay không người lái và phương tiện bay khác gắn cảm biến viễn thám].

2.2. Hiện trạng hoạt động:

Hoạt động điều khiển số 01:

- Số lượng phương tiện bay được điều khiển:
- Tên các phương tiện bay: [phương tiện bay số 01, phương tiện bay số ...]
- Giấy phép bay:
- Kết quả thu nhận dữ liệu:

Hoạt động điều khiển số 02:

- Số lượng phương tiện bay được điều khiển:
- Tên các phương tiện bay: [phương tiện bay số 01, phương tiện bay số ...]
- Giấy phép bay:
- Kết quả thu nhận dữ liệu:

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Thuận lợi:

3.2. Khó khăn, vướng mắc:

3.3. Kiến nghị, đề xuất:

Nơi nhận:

-
- ...

THỦ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05. Báo cáo về việc vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất

TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC

Số...../BC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO VỀ VIỆC VẬN HÀNH TRẠM THU NHẬN DỮ LIỆU VIỄN THÁM MẶT ĐẤT (Quý)

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

I. CĂN CỨ THỰC HIỆN

- Căn cứ Nghị định số/20.../NĐ-CP ngàytháng ... năm 20... của Chính phủ về hoạt động viễn thám;

- Căn cứ;

- Căn cứ;

...

Đơn vị vận hành (tên đơn vị) báo cáo về vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám mặt đất từ ngày...tháng...năm đến ngày... tháng... năm như sau:

II. TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA TRẠM THU NHẬN DỮ LIỆU VIỄN THÁM MẶT ĐẤT

2.1. Thông tin chung:

Tên trạm: [Tên trạm].

Hình thức lắp đặt: (Cố định hoặc di động trên bề mặt Trái Đất).

Vị trí đặt trạm: [Tọa độ địa lý hoặc địa chỉ hành chính đối với trạm cố định].

2.2. Kết quả thu nhận dữ liệu

Tổng khối lượng dữ liệu thu nhận: (Số lượng trị đo, dung lượng dữ liệu).

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Thuận lợi:

3.2. Khó khăn, vướng mắc:

3.3. Kiến nghị, đề xuất:

Nơi nhận:

-

- ...

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 06. Nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám vệ tinh

**TÊN BỘ/ ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

V/v.....

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Phúc đáp công văn số/BNNMT-VTQG ngày tháng năm.... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đăng ký nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám vệ tinh năm.... . Căn cứ chức năng nhiệm vụ, Bộ .../Ủy ban nhân dân tỉnh ... đăng ký nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám như phụ lục đính kèm công văn này.

Bộ .../Ủy ban nhân dân tỉnhkính gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Phụ lục: Nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám năm

(Kèm theo Công văn số ... /... ngày ... tháng ... năm ... của)

Loại dữ liệu viễn thám	Khu vực yêu cầu ¹	Thời gian thu nhận	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn (nếu có)	Mức độ xử lý (nếu có)	Độ phân giải (nếu có)
Tên loại dữ liệu viễn thám 1					
Tên loại dữ liệu viễn thám 2					
.....					

Ghi chú:

1. Khu vực yêu cầu được mô tả theo các cách sau: tệp tin dưới dạng *.shp, *.kmz ranh giới khu vực yêu cầu dữ liệu; tên đơn vị hành chính; tọa độ các góc khu vực yêu cầu dữ liệu; tọa độ tâm và bán kính khu vực yêu cầu dữ liệu.

Mẫu số 07. Báo cáo công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia (hàng năm)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../BC

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO CÔNG BỐ SIÊU DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA
Năm 20..**

Mở đầu

I. Tổng hợp thông tin siêu dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Dữ liệu viễn thám thu nhận tại các trạm thu dữ liệu viễn thám

1.1. Trạm thu thứ nhất (tên trạm thu):

- Đặc tính kỹ thuật của dữ liệu viễn thám:
 - + Độ phân giải không gian: ...;
 - + Độ rộng dải quét: ...;
 - + Độ phân giải bức xạ (đối với dữ liệu viễn thám quang học) : ...;
 - + Số lượng kênh phổ (đối với dữ liệu viễn thám quang học) : ...;
 - + Góc quét (đối với dữ liệu viễn thám radar) : ...;
 - + Chế độ quét (đối với dữ liệu viễn thám radar) : ...;
 - + Chế độ phân cực (đối với dữ liệu viễn thám radar): : ...;
- Tổng số dữ liệu viễn thám thu được (đối với dữ liệu viễn thám quang học)....., trong đó:

- + Dữ liệu có độ phủ mây dưới 25%: ...;
- + Dữ liệu có độ phủ mây dưới 10%:....
- Tổng số dữ liệu viễn thám thu được (đối với dữ liệu viễn thám radar).....,

trong đó:

- + Dữ liệu quét chế độ điểm (spot light): ...;
- + Chế độ ảnh (strip map) : ...;
- + Chế độ góc rộng (wide swath) :
- Sơ đồ.

1.2. Trạm thu thứ hai (tên trạm thu):

...

2. Dữ liệu viễn thám thu nhận thông qua hình thức mua, trao đổi,

- Tên cơ quan sở hữu dữ liệu viễn thám: ...;
- Loại dữ liệu: ...;
- Tổng số dữ liệu viễn thám thu được:.....
- Đặc tính kỹ thuật của dữ liệu viễn thám:
 - + Độ phân giải không gian: ...;
 - + Độ rộng dải quét: ...;

- + Độ phân giải bức xạ (đối với dữ liệu viễn thám quang học): ...;
- + Số lượng kênh phổ (đối với dữ liệu viễn thám quang học): ...;
- + Góc quét (đối với dữ liệu viễn thám radar): ...;
- + Chế độ quét (đối với dữ liệu viễn thám radar): ...;
- + Chế độ phân cực (đối với dữ liệu viễn thám radar):
- Sơ đồ.

3. Sản phẩm viễn thám:

3.1. Tên cơ quan giao nộp thứ nhất:

- Tên cơ quan lưu trữ sản phẩm viễn thám: ...;
- Loại sản phẩm (tên dữ liệu viễn thám, mức xử lý đối với sản phẩm dạng ảnh hoặc tên loại dữ liệu chuyên đề, tỷ lệ):...;
- Tổng số sản phẩm:...;
- Sơ đồ.

3.2. Tên cơ quan giao nộp thứ hai:

....

II. Hướng dẫn tìm kiếm dữ liệu, sản phẩm viễn thám quốc gia

III. Kết luận và Kiến nghị

Nơi nhận:

-
- ...

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 08. Công bố siêu dữ liệu viễn thám thường xuyên

TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

CÔNG BỐ SIÊU DỮ LIỆU VIỄN THÁM THƯỜNG XUYỀN

1. Dữ liệu viễn thám:

- Loại dữ liệu: ...;
- Tổng số dữ liệu viễn thám thu được:.....
- Đặc tính kỹ thuật của dữ liệu viễn thám:
 - + Độ phân giải không gian: ...;
 - + Độ rộng dải quét: ...;
 - + Độ phân giải bức xạ (đối với ảnh quang học): ...;
 - + Số lượng kênh phổ (đối với ảnh quang học): ...;
 - + Góc quét (đối với ảnh radar): ...;
 - + Chế độ quét (đối với ảnh radar): ...;
 - + Chế độ phân cực (đối với ảnh radar):
- Sơ đồ.

2. Sản phẩm viễn thám:

- Tên cơ quan giao nộp sản phẩm viễn thám: ...;
- Loại sản phẩm (tên dữ liệu viễn thám, mức xử lý đối với sản phẩm dạng ảnh hoặc tên loại dữ liệu chuyên đề, tỷ lệ);
- Tổng số sản phẩm:....;
- Sơ đồ.

3. Thông tin liên hệ khai thác, sử dụng dữ liệu viễn thám

- Họ và tên người liên hệ: ...;
- Số điện thoại: ...;
- Địa chỉ:

Nơi nhận:

-
-

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 09. Công bố siêu dữ liệu viễn thám (hàng tháng)

TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày ... tháng ... năm ...

CÔNG BỐ SIÊU DỮ LIỆU VIỄN THÁM

THÁNG ... NĂM 20..

1. Trạm thu thứ nhất (tên trạm thu):

1.1. Đặc tính kỹ thuật của dữ liệu viễn thám:

- Độ phân giải không gian: ...;
- Độ rộng dải quét: ...;
- Độ phân giải bức xạ (đối với ảnh quang học) : ...;
- Số lượng kênh phổ (đối với ảnh quang học) : ...;
- Góc quét (đối với ảnh radar) : ...;
- Chế độ quét (đối với ảnh radar) : ...;
- Chế độ phân cực (đối với ảnh radar): : ...;

1.2. Tổng số dữ liệu viễn thám thu được (đối với ảnh quang học)....., trong đó:

- Dữ liệu có độ phủ mây dưới 25%: ...;
- Dữ liệu có độ phủ mây dưới 10%:....
- Tổng số dữ liệu viễn thám thu được (đối với ảnh radar)....., trong đó:
- Dữ liệu quét chế độ điểm (spot light): ...;
- Chế độ ảnh (strip map) : ...;
- Chế độ góc rộng (wide swath) :

1.3. Sơ đồ.

2. Trạm thu thứ hai (tên trạm thu):

...

Nơi nhận:

-
- ...

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 10. Báo cáo quan trắc, giám sát bằng viễn thám

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../BC

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO QUAN TRẮC, GIÁM SÁT BẰNG VIỄN THÁM

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC BẢNG BIỂU

LỜI MỞ ĐẦU

Phần 1. CĂN CỨ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Căn cứ pháp lý

2. Mục đích

3. Yêu cầu

Phần 2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC/GIÁM SÁT

1. Quan trắc/Giám sát (nội dung quan trắc/giám sát số 01)

1.1. Phạm vi

1.2. Dữ liệu sử dụng

1.3. Phương pháp/kỹ thuật sử dụng

1.4. Kết quả quan trắc/giám sát

1.5. Đánh giá

2. Quan trắc/Giám sát (nội dung quan trắc/giám sát số 02)

2.1. Phạm vi

2.2. Dữ liệu sử dụng

2.3. Phương pháp/kỹ thuật sử dụng

2.4. Kết quả quan trắc/giám sát

2.5. Đánh giá

.....

Phần 3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC/ GIÁM SÁT
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-
-

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 11. Giấy phép hoạt động viễn thám

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG VIỄN THÁM
Số:/GP-VT

Năm:

Không được cho mượn, cho thuê, chuyển nhượng giấy
phép;
Chỉ được hoạt động theo đúng nội dung ghi trong giấy phép
này.

NỘI DUNG GIẤY PHÉP

1. Thông tin của tổ chức theo Giấy chứng nhận đăng
ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập được cấp giấy phép:

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ:

2. Nội dung hoạt động viễn thám:

- Vận hành trạm điều khiển vệ tinh viễn thám:

☐

- Vận hành trạm thu nhận dữ liệu viễn thám vệ tinh:

☐

3. Thời hạn của giấy phép:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 12. Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động viễn thám (cấp lần đầu, gia hạn, cấp lại)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG VIỄN THÁM
(Đề nghị: cấp lần đầu, gia hạn, cấp lại)

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Tên tổ chức/cá nhân:
 2. Người đại diện theo pháp luật (không áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép):
 3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ hợp pháp khác:
 4. Địa chỉ trụ sở chính:
 5. Số điện thoại: Fax: E-mail:
- Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động viễn thám, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp giấy phép hoạt động viễn thám với các nội dung sau đây:
6. Nội dung hoạt động viễn thám đề nghị cấp phép: (Ghi rõ nội dung hoạt động viễn thám đề nghị cấp phép).
 7. Các giấy tờ kèm theo:
- Tôi/Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ nội dung đã kê khai.

Người đứng đầu tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Mẫu số 13. Báo cáo kết quả hoạt động viễn thám kể từ khi được cấp giấy phép

**Tên tổ chức, cá nhân được cấp
giấy phép hoạt động viễn thám**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC

....., ngàytháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VIỄN THÁM

Năm/ từ năm đến năm....

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Giấy phép hoạt động viễn thám số:
3. Các hoạt động viễn thám đã thực hiện:

TT	Tên các hoạt động	Chủ đầu tư	Giá trị đã thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung báo cáo này./.

Người đứng đầu tổ chức/cá nhân xin phép
(Ký tên/đóng dấu)

Mẫu số 14. Báo cáo về hoạt động viễn thám

TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../BC

....., ngày tháng năm 20...

**BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG VIỄN THÁM
(Năm 20..)**

- Căn cứ Nghị định số/20.../ND-CP ngàytháng ... năm 20... của Chính phủ về hoạt động viễn thám;

Đơn vị xin báo cáo về hoạt động viễn thám năm như sau:

Tổng quan về hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý (hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực,...)

1. Công tác ban hành văn bản liên quan đến hoạt động viễn thám

- Thống kê văn bản đã ban hành.
- Về tính kịp thời, thống nhất với hệ thống pháp luật.
- Về hiệu quả, khả thi của văn bản.

2. Hoạt động của vệ tinh viễn thám thuộc phạm vi quản lý (nếu có)

2.1 Vệ tinh viễn thám

- Tên vệ tinh: ...
- Tình trạng hoạt động của vệ tinh viễn thám: ...
- Kết quả thu quét dữ liệu:....

2.2 Trạm điều khiển vệ tinh viễn thám

- Tên trạm điều khiển: ...
- Tình trạng hoạt động:

3. Hoạt động của trạm thu nhận dữ liệu viễn thám (nếu có)

- Tên trạm thu: ...
- Tình trạng hoạt động của trạm thu dữ liệu viễn thám: ...

4. Kết quả thu nhận dữ liệu viễn thám

4.1. Mua của nước ngoài (nếu có)

- Loại dữ liệu/sản phẩm;
- Số lượng;
- Mức xử lý;
- Hiện trạng giao nộp theo quy định;
- Sơ đồ.

4.2. Thu nhận do trao đổi với nước ngoài (nếu có)

- Loại dữ liệu/sản phẩm;
- Số lượng;

- Mức xử lý;
- Hiện trạng giao nộp theo quy định;
- Sơ đồ.

4.3. Thu nhận tại trạm thu thuộc phạm vi quản lý (nếu có)

- Loại dữ liệu;
- Số lượng;
- Sơ đồ.

5. Kết quả cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám

- Số lượng, loại dữ liệu, sản phẩm viễn thám đã cung cấp;
- Danh sách các đơn vị đã được cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám;
- Đánh giá tình trạng cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám;
- Sơ đồ.

6. Hoạt động ứng dụng viễn thám

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn sử dụng dữ liệu viễn thám trong phạm vi quản lý;
- Công tác quản lý chất lượng thông tin, dữ liệu viễn thám, sản phẩm viễn thám thuộc phạm vi quản lý;
- Tình hình công bố siêu dữ liệu viễn thám;
- Thống kê các tổ chức được cấp phép hoạt động xử lý dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

7. Kết quả quan trắc, giám sát bằng viễn thám

- Kết quả thực hiện quan trắc, giám sát bằng viễn thám.

8. Đánh giá và kiến nghị

8.1. Thuận lợi:

8.2. Khó khăn:

8.3. Kiến nghị:

Nơi nhận:

-
- ...

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

** Báo cáo được gửi bằng hình thức điện tử qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Chính phủ.*